

Số: 143 TB/MNHM

Long Biên, ngày..8...tháng..7...năm 2022

THÔNG BÁO

*Về việc niêm yết công khai số liệu thực hiện dự toán
ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm năm 2022.*

- Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

- Căn cứ Dự toán và thuyết minh dự toán ngân sách năm 2022 đã được Phòng Tài chính – Kế hoạch phê duyệt

1. Thành phần thực hiện niêm yết công khai:

- | | |
|----------------------------|-----------------------------|
| • Bà Trần Thị Nghĩa Quỳnh | Hiệu trưởng (Chủ trì) |
| • Bà Đào Thị Hải Yến | Phó Hiệu trưởng |
| • Bà Trần Thị Xuân Nhạn | Phó Hiệu trưởng |
| • Bà Đặng Thị Lan Anh | TTVP |
| • Bà Nguyễn Thị Minh Thắng | CTCĐ |
| • Bà Chu Thị Huế | Trưởng Ban TTND |
| • Ông Nguyễn Văn Trung | Tổ trưởng tổ Bảo vệ |
| • Bà Nguyễn Thị Huệ | Tổ trưởng chuyên môn -KTMNL |
| • Bà Nguyễn Thị Hương | Tổ trưởng tổ nuôi |
| • Bà Đỗ Thị Thu Huyền | Khối trưởng MGB |
| • Bà Nguyễn Thị Quỳnh | Khối trưởng nhà trẻ |
| • Bà Phạm Phương Linh | BTCĐ |
| • Bà Dương Thị Hương Quỳnh | Kế toán (Thư ký) |

2. Nội dung công khai: Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2022.

Hình thức niêm yết: Thông báo trước ban liên tịch và thông báo tới toàn thể GVNV nhà trường.

4. Địa điểm niêm yết: Niêm yết tại bảng công khai tuyên truyền của nhà trường (Tầng 1 – Khu hiệu bộ)

5. Thời gian niêm yết: Từ ngày 08 tháng 7 năm 2022 đến hết ngày 18 tháng 8 năm 2022.

6. Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi: Trong suốt thời gian công khai nếu có thắc mắc liên hệ trực tiếp qua SĐT 0968726466 (Đ/c Quỳnh – Kế toán) hoặc gửi thư về hòm thư điện tử: mnhoamai@longbien.edu.vn.

Nơi nhận:

- Ban công khai
- CBGVNV
- Lưu;



Trần Thị Nghĩa Quỳnh



Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
 Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ
 Trường Mầm non Hoa Mai công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2022 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	412	341	30,94%	80,00%
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí	412	170	41,26%	49,85%
	Học phí	412	170	41,26%	49,85%
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	412	84	20,39%	24,63%
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính	412	84	20,39%	24,63%
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	412	84	20,39%	24,63%
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính	4.189	2.020	48,22%	95,73%
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.189	2.020	48,22%	95,73%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				



Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.2				
2.3 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3 Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1 Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4 Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1 Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5 Chi bảo đảm xã hội				
5.1 Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6 Chi hoạt động kinh tế				
6.1 Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7 Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1 Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8 Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1 Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9 Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1 Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10 Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1 Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

Ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

